

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 142/2020/TLST-HN&GD ngày 27 tháng 4 năm 2020, về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HN&GD ngày 27 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-HN&GD, ngày 24/8/2020 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 64/QĐ-TĐ, ngày 12/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ Ch, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, tổ C, khu phố D, thị trấn E, huyện F, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Hòa, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, tổ C, khu phố D, thị trấn E, huyện F, tỉnh G.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Ch trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện kết hôn với

nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, đăng ký kết hôn số 437/12/88, quyền số 02, ngày 16/12/1988. Sau khi kết hôn bà và ông H thường xuyên mâu thuẫn. Năm 2007 bà đã từng khởi kiện ly hôn ông H ra Tòa án nhân dân huyện F nhưng được Tòa án hòa giải, đồng viên nên bà rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà và ông H vẫn không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bà và ông H không hòa hợp về tính cách, không có tiếng nói chung về mặt tình cảm và tài chính. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, xong khi về nhà hay dùng lời lẽ xúc phạm danh dự của bà và gia đình bà. Nay bà xác định không còn tình cảm, tôn trọng đối với ông H nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà không tranh chấp. Do phải đi làm ăn ở xa nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2010 tại nhà riêng của ông H, ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông và bà Trần Thị Mỹ Ch có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E năm 1988, quá trình chung sống giữa vợ chồng ông, bà hạnh phúc từ khi kết hôn đến cách đây khoảng 2 tháng thì có mâu thuẫn về tài chính. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ch.

Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn H nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 07/7/2020, đối với ông Đoàn Quốc B là phó trưởng khu phố D, thị trấn E, trình bày: Thời gian qua chính quyền địa phương nhiều lần xuống nhà ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Mỹ Ch để giải quyết về việc ông H thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập bà Ch, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà ly hôn ông H là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, đăng ký kết hôn số 437/12/88, quyển số 02, ngày 16/12/1988. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, ông H và bà Ch thường xuyên mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, đỉnh điểm là năm 2020 ông H thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn rồi về gây gỗ, đánh đập bà Ch. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Tuy ông H không đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy bà Ch đã kiên quyết ly hôn và qua xác minh tại chính quyền địa phương, xác định ông H thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập vợ, gây mất trật tự tại địa phương. Do đó, xác định hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, có duy trì cũng không đem lại lợi ích cho các bên. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Ch, xử cho bà ly hôn ông H là phù hợp.

[b] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Ch là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Ch ly hôn ông Nguyễn Hữu H.

2. Về án phí DSST:

Bà Trần Thị Mỹ Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Ch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003567, ngày 27 tháng 4 năm 2020. Bà Ch đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện F;
- Chi cục THA huyện F;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà

